

Phong Thổ, ngày 12 tháng 5 năm 2020

Số: 23/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **34/2020/TLST - HNGĐ** ngày **10** tháng **3** năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Lò Thị T, sinh năm 1994;**

Địa chỉ: **Bản N, Xã T, huyện T, tỉnh L.**

Bị đơn: **Anh Lò Văn V, sinh năm 1991;**

Địa chỉ: **Bản N, Xã T, huyện T, tỉnh L..**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều **54, 55, 57, 81, 82, 83** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **04 tháng 5 năm 2020.**

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **04 tháng 5 năm 2020** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Lò Thị T và anh Lò Văn V.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Nguyên đơn chị Lò Thị T và bị đơn anh Lò Văn V thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Chị Lò Thị T và anh Lò Văn V có một con chung tên là Lò Thị Bảo Ch, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2014. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận thống nhất:

- Giao cháu Lò Thị Bảo Ch cho anh Lò Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Châu đủ 18 tuổi.

Anh V phải tạo điều kiện cho chị T trong việc thăm nom con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn V không yêu cầu chị Lò Thị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

2.3. *Về tài sản chung:* Hai đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về nợ chung:* Chị T và anh V không có nợ chung.

2.5. *Về án phí:* Hai đương sự mỗi người phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn. Ghi nhận Nguyên đơn tự nguyện nộp cả án phí cho bị đơn. Tổng số tiền nguyên phải nộp là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Vậy khấu trừ với số tiền nguyên đơn đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số **AA/2010/0004505 ngày 09/3/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Nguyên đơn được nhận lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THA dân sự huyện Phong Thổ;
- **UBND xã thị trấn Phong Thổ;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Trung Tá